

CHƯƠNG 01: PP KẾ TOÁN MỘT SỐ GIAO DỊCH LIÊN QUAN THUẾ

NỘI DUNG BÀI HỌC

- 01 Mục đích nghiên cứu
- 02 PP Kế toán Thuế GTGT được khấu trừ - TK 133
- 03 PP Kế toán Thuế GTGT đầu ra - TK 33311
- 04 PP Kế toán Thuế thu nhập cá nhân - TK 3335
- 05 PP Kế toán Thuế thu nhập doanh nghiệp - TK 3334

BÀI 01. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Thuế là vấn đề được doanh nghiệp quan tâm nhất vì gắn với nghĩa vụ đối với Nhà nước và có nhiều quy định pháp luật chặt chẽ. Kế toán cần nắm bản chất của thuế để tránh rủi ro trong quá trình hành nghề. Chương này tập trung vào công tác xác định số tiền thuế và phương pháp hạch toán; các vấn đề chuyên sâu về chính sách thuế và hóa đơn sẽ được nghiên cứu ở phần pháp luật về thuế.

Qua chương này, người học nắm được những nội dung sau:

- 1. Nắm được khái niệm các loại thuế phổ biến trong Doanh nghiệp**
- 2. Nắm được công thức tính số tiền thuế của từng loại thuế**
- 3. Nắm được cách định khoản các nghiệp vụ kế toán liên quan đến các loại thuế**

BÀI 02. KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ - TK 133

1. Khái niệm

- TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV
- TK 1332: Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định
- Chương này Học viên chủ yếu tập trung vào Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu.
- **HV chỉ cần lưu ý: tài khoản này chỉ sử dụng khi mua vào**
- Bản chất: Số thuế khi mua vào để sử dụng cho các sản phẩm dịch vụ đầu ra chịu thuế GTGT, thì số thuế này mới được phản ánh trên TK 133.
- Phải phản ánh chi tiết vào TK 1331 hoặc 1332 để quản lý theo đúng pháp luật về thuế GTGT

2. Phương pháp tính

Thuế GTGT được khấu trừ = Giá trị hàng hóa mua vào × Thuế suất

3. Phương pháp hạch toán

3.1. Khi mua hàng tồn kho, TSCĐ ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 211, 213...

Nợ TK 1331, 1332

Có các TK 111, 112, 331, ... (tổng giá thanh toán).

3.2. Mua vật tư, HHDV dùng ngay vào SXKD, hoặc sử dụng cho nhiều kỳ ghi:

Nợ các TK 242, 621, 627, 641, 642, ...

Nợ TK 1331

Có các TK 111, 112, 331, ... (tổng giá thanh toán).

3.3. Mua hàng hóa giao bán ngay (không qua nhập kho), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Nợ TK 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112, 331, ... (tổng giá thanh toán).

BÀI 03. KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA - TK 33311

1. Khái niệm

- Chương này Học viên chủ yếu tập trung vào Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu.
- HV chỉ cần lưu ý: tài khoản này chỉ sử dụng khi bán ra
- Bản chất: Khi bán ra, DN phải thu thêm một phần để nộp cho ngân sách nhà nước theo tỉ lệ quy định.
- Doanh nghiệp được bù trừ với số thuế GTGT được khấu trừ trước khi nộp ngân sách nhà nước.
- Nếu thuế đầu vào lớn hơn thuế đầu ra, phần chênh lệch được khấu trừ ở kỳ sau (dư Nợ TK 133).

2. Phương pháp tính

Thuế GTGT = Giá trị hàng hóa bán ra $\times$ Thuế suất

3. Phương pháp hạch toán

3.1. Kế toán thuế GTGT đầu ra phải nộp theo PP khấu trừ:

Nợ các TK 111, 112, 131 (tổng giá thanh toán)

Có các TK 511, 515, 711

Có TK 33311 - Thuế GTGT phải nộp

3.2. Định kỳ, doanh nghiệp tính, xác định số thuế GTGT được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 33311 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

3.3. Khi nộp thuế GTGT vào Ngân sách Nhà nước, ghi:

Nợ TK 33311 - Thuế GTGT phải nộp

Có các TK 111, 112.

BÀI 04. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - TK 3335

1. Khái niệm

- Chương này Học viên chủ yếu tập trung vào Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu.
- Bản chất: Khi chi trả thu nhập cho người lao động, DN phải trích một phần để nộp cho ngân sách nhà nước theo tỉ lệ quy định trên thu nhập tính thuế.

2. Phương pháp tính

Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế $\times$ Thuế suất

3. Cập nhật Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15

- Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026
- Giảm trừ bản thân 15,5 triệu đồng/tháng; mỗi người phụ thuộc 6,2 triệu đồng/tháng
- Biểu thuế lũy tiến từ 7 bậc rút còn 5 bậc: 5%, 10%, 20%, 30%, 35%

4. Phương pháp hạch toán

4.1. Xác định số thuế TNCN phải nộp:

Nợ các TK 622, 627, 641, 642... (nếu là DN đóng)

Nợ TK 334 (nếu trích từ thu nhập người lao động)

Có TK 3335

4.2. Khi nộp thuế TNCN vào Ngân sách Nhà nước thay cho người có thu nhập, ghi:

Nợ TK 3335

Có các TK 111, 112, ...

BÀI 05. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP - TK 3334

1. Khái niệm

- Chương này Học viên chủ yếu tập trung vào Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu.
- Bản chất: Khi kết quả kinh doanh có lời, DN phải trích một phần để nộp cho ngân sách nhà nước theo tỉ lệ quy định trên thu nhập tính thuế.

2. Phương pháp tính

Thuế TNDN = Thu nhập tính thuế $\times$ Thuế suất

Trong đó:

Thuế suất thuế TNDN là 20%, trừ các trường hợp sau (Luật 67/2025/QH15, hiệu lực từ 01/10/2025):

- Thuế suất 15%: doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 03 tỷ đồng;
- Thuế suất 17%: tổng doanh thu năm trước liền kề trên 03 tỷ đến không quá 50 tỷ đồng.

3. Phương pháp hạch toán

3.1. Hàng quý, phản ánh số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành
Có TK 3334 - Thuế TNDN.

3.2. Khi nộp thuế TNDN vào Ngân sách Nhà nước, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế TNDN
Có TK 111, 112, ...

3.3. Cuối năm căn cứ tờ khai quyết toán hoặc thông báo phải nộp thuế:

- Thực tế phải nộp lớn hơn số tạm nộp: Nợ TK 8211 / Có TK 3334
- Thực tế phải nộp nhỏ hơn số tạm nộp: Nợ TK 3334 / Có TK 8211

3.4. Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911
Có TK 8211

VÍ DỤ MINH HỌA: KẾ TOÁN THUẾ GTGT

Dữ kiện (thuế suất GTGT 10%)

- Mua hàng hóa nhập kho 100.000.000, chưa trả người bán
- Bán hàng 150.000.000, khách hàng chưa thanh toán
- Cuối kỳ khấu trừ thuế GTGT đầu vào với đầu ra
- Nộp phần thuế còn phải nộp bằng chuyển khoản

Kết quả

Thuế đầu ra 15.000.000 - Thuế đầu vào 10.000.000 = phải nộp 5.000.000

Định khoản

(1) Mua hàng:

Nợ TK 156: 100.000.000

Nợ TK 1331: 10.000.000

Có TK 331: 110.000.000

(2) Bán hàng:

Nợ TK 131: 165.000.000

Có TK 511: 150.000.000

Có TK 33311: 15.000.000

(3) Khấu trừ: Nợ TK 33311 / Có TK 133: 10.000.000

(4) Nộp thuế: Nợ TK 33311 / Có TK 112: 5.000.000